

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tại Tờ trình số 3437/TTr-BQL ngày 02/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (*Chi tiết có Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, tuyên truyền đến tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết, tìm hiểu thực hiện, giám sát và đánh giá việc thực hiện; phấn đấu đạt tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 80%.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng quy trình điện tử, điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai (eform) dịch vụ công trực tuyến tại Điều 1

Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố; đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thực hiện dịch vụ công trực tuyến thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch và giảm tối đa giấy tờ; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 80%.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng quy định.

4. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 15/9/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU (đề b/c);
- TT HĐND TP (đề b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Trung tâm PVHCC TP;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, N.V.Trường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC
TUYỂN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
			Toàn trình	Một phần	
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (26 TTHC)					
1.	1.009742	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư và kinh doanh sân golf		X	
2.	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP		X	
3.	1.009756	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	X		
4.	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (BQL)		X	
5.	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý		X	
6.	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
7.	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc		X	

		thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý			
8.	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		X	
9.	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		X	
10.	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
11.	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		X	
12.	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)		X	
13.	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)		X	
14.	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt		X	
15.	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt		X	
16.	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt		X	
17.	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP		X	

18.	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
19.	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
20.	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý:		X	
21.	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
22.	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
23.	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		X	
24.	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)		X	
25.	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)		X	
26.	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)		X	
II- LĨNH VỰC ĐẤU THẦU LỰY CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ (01 TTHC) - QLĐT					

27	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)		X	
III- LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ (04 TTHC)- TNMT					
28	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái		X	
29	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái		X	
30	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái		X	
31	2.002732	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái		X	
IV- LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (05 TTHC)-TNMT					
32	1.010733	Thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		X	
33	1.010727	Thủ tục cấp Giấy phép môi trường		X	
34	1.010728	Thủ tục cấp đổi Giấy phép môi trường	X		
35	1.010729	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép môi trường	X		
36	1.010730	Thủ tục cấp lại Giấy phép môi trường		X	
V- LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (05 TTHC)- DN&GSĐT					
37	2.000063	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		X	
38	2.000450	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		X	
39	2.000347	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		X	
40	2.000327	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		X	

41	2.000314	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	x		
VI. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (08 TTHC)					
41	1.013239	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh		x	
43	1.013234	Thủ tục thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.		x	
44	1.013236	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án):		x	
45	1.013238	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		x	
46	1.013230	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		x	
47	1.013231	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		x	
48	1.013233	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		x	

49	1.013235	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		X	
VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (01 TTHC)					
50	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.		X	
Tổng cộng			4	46	50